Trường Sơ Trung Dale

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2024-2025 (Công bố trong năm học 2025-2026)

Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

Tổng quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

DataQuest

DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ https://dq.cde.ca.gov/dataquest/ bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lương ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California

Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) https://www.caschooldashboard.org/ phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

Truy cập Internet	Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.
Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ https://admission.universityofcalifornia.edu/.
Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ https://www2.calstate.edu/.

Thông tin liên lạc của Trường năm học 2025-26

Tên Trường học	Trường Sơ Trung Dale
Đường phố	900 South Dale Avenue
Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu	Anaheim, CA 92804-4097
Số điện thoại	(714) 220-4210
Hiệu Trưởng	Rafael Santiago
Địa chỉ email	Santiago_r@auhsd.us
Trang web của Trường	https://dale.auhsd.us
Phạm vi cấp lớp	7-8
Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường	30664316058820

Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2025-26

Tên Khu học chánh	Khu Học Chánh Trung Học Anaheim Union (AUHSD)
Số điện thoại	(714) 999-3511
Giám Đốc Khu Học Chánh	Jaron Fried, Ed.D.
Địa chỉ email	fried_ja@auhsd.us
Trang web của Khu học chánh	https://www.auhsd.us

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2025-26

Tuyên Bố Tầm Nhìn: Phát huy tối đa tiềm năng vô hạn của chúng ta, bắt đầu với mỗi học sinh, mỗi câu chuyện, mỗi gia đình.

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2025-26

Tuyên Bố Sứ Mệnh: Trường Sơ Trung Dale cam kết mang đến một môi trường quan tâm, tạo cơ hội và trang bị kỹ năng cho mỗi học sinh để trở thành người DẪN DẮT.

Điểm Nổi Bật:
Trường Sơ Trung Dale là một cộng đồng học tập hợp tác, chuẩn bị cho học sinh bước vào thế kỷ 21. Trường Sơ Trung Dale cung cấp một chương trình học tập chuyên sâu cùng nhiều cơ hội để khám phá các lớp học tự chọn. Trường Sơ Trung Dale có một chương trình ngoại khóa mạnh mẽ với nhiều cơ hội khám phá đa dạng, bao gồm nhiều môn thể thao và câu lạc bộ, cũng như chương trình dạy kèm sau giờ học. Trường Dale cung cấp nhiều khóa học chuyên sâu để học sinh đạt được thành công. Có rất nhiều chương trình học thuật, bao gồm AVID và Puente. Học sinh giáo dục đặc biệt giờ đây có cơ hội tham gia các lớp giảng dạy chung môn khoa học và lịch sử, cũng như Ngữ Văn Tiếng Anh (ELA) và Toán Học. Các giáo viên hợp tác hằng tuần để tinh chỉnh chương trình giảng dạy và phương pháp sư phạm trong các cộng đồng học tập chuyên môn của họ. Trường Dale tiếp tục trang bị cho học sinh một nền giáo dục đẳng cấp thế giới, bồi dưỡng 5 phẩm chất C cốt lõi (Giao Tiếp, Hợp Tác, Sáng Tạo, Tư Duy Phản Biện và Nhân Cách) vào trải nghiệm học tập hằng ngày của các em. Sự tận tâm của các giáo viên trong việc nuôi dưỡng một môi trường hỗ trợ được thể hiện rõ hơn qua chương trình Trường Học Cộng Đồng.

Năm 2015, Trường Sơ Trung Dale đã nhận được Giải Ruy Băng Vàng cho thời gian LEAD, là khoảng thời gian can thiệp/bồi dưỡng của trường. LEAD là viết tắt của Leadership/Lãnh Đạo, Engagement/Gắn Kết, Academics/Học Thuật và Determination/Quyết Tâm. Đội ngũ nhân viên đã nhận thấy nhu cầu hỗ trợ học sinh và đã vạch ra kế hoạch giúp đỡ các em. Vào năm 2021, ban điều hành đã quyết định đổi LEAD time thành Lancer Time. Giờ tư vấn Lancer Time được sử dụng để giảng dạy các bài học trên toàn trường, đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau trong khuôn viên trường. Đây là cơ hội tuyệt vời để học sinh nhận được hỗ trợ học thuật, cũng như hướng dẫn về nhiều bài học khác nhau, nhằm thúc đẩy môi trường học đường tích cực và phát triển những thanh niên khỏe mạnh, kiên cường và tự tin. Kể từ năm 2021, Trường Sơ Trung Dale đã triển khai các Hoạt Động Học Tập Dựa Trên Dự Án trên toàn trường, được thiết kế để kết nối học sinh với cả nội dung học tập lẫn thế giới xung quanh. Câu hỏi định hướng của chúng tôi luân phiên thay đổi mỗi năm để thu hút và phát triển tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề. Hai câu hỏi được yêu thích nhất của chúng tôi gồm: Làm thế nào chúng ta có thể sống mạnh mẽ hơn và Xây Dựng Cộng Đồng Khỏe Mạnh Hơn, và làm thế nào chúng ta có thể nuôi sống một hành tinh nóng hơn, đói khát hơn vào năm 2050?

Trường Sơ Trung Dale là Trường Trung Học Cơ Sở Dân Chủ California đầu tiên tại Quận Orange vào năm 2017, và năm 2023 chúng tôi đã nhận được Giải Thưởng Xuất Sắc về Giáo Dục Công Dân từ Ngành Tư Pháp Tiểu Bang California. Từ năm 2023, Dale Senate đã đại diện cho tiếng nói của học sinh ở cấp lãnh đạo nhà trường.

Học sinh Trường Dale thường đạt thứ hạng trong Top 5 tại cuộc thi Hùng Biện Bục Giảng toàn khu học chánh AUHSD, nơi các em xây dựng và trình bày các bài diễn văn nêu bật một mối quan tâm của cộng đồng, đồng thời đưa ra lời kêu gọi hành động nhằm loại bỏ và giảm thiểu một vấn đề mà cộng đồng chúng ta đang phải đối mặt.

Thông Tin Nhân Khẩu Học:
Trường Sơ Trung Dale, tọa lạc tại Anaheim, California, phục vụ 904 học sinh, trong đó 100% có đủ điều kiện tham gia chương trình bữa ăn miễn phí và giảm giá, 15.8% là Học Sinh Khuyết Tật (SWD), 27.3% là Người Học Tiếng Anh, 73.8% là Học Sinh Có Hoàn Cảnh Kinh Tế Khó Khăn và 85.9% là Vô Gia Cư. Hồ sơ nhân khẩu học cũng chỉ ra những điều sau liên quan đến các nhóm học sinh: 74.1% Người nói Tiếng Tây Ban Nha, 4.5% Người Da Trắng, 14.3% Người Châu Á, 3.1% Người Mỹ Gốc Phi, 0.7% Người Bản Địa Hawaii/Dân Đảo Thái Bình Dương, 0.6% Người Da Đỏ, 1.5% hai chủng tộc trở lên.

Giới thiệu Trường

Tuyển sinh năm 2024-25 theo từng khối lớp

Khối lớp	Số lượng học sinh

Tuyển sinh năm 2024-25 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh

A. Điều kiện học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Số trường học	Phần trăm trường học	Số khu học chánh	Phần trăm khu học chánh	Số tiểu bang	Phần trăm tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	45.5	87.96	1094.6	83.18	234405.2	84
Người giữ chứng chỉ thực tập được phần công phù hợp	0	0	8.5	0.65	4853	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	0	0	73.2	5.56	12001.5	4.3
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0	0	32.8	2.5	11953.1	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	6.2	12.02	106.8	8.11	15831.9	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	51.8	100	1316.1	100	279044.8	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Số trường học	Phần trăm trường học	Số khu học chánh	Phần trăm khu học chánh	Số tiểu bang	Phần trăm tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	43.5	84.73	1131.1	84.42	231142.4	83.24
Người giữ chứng chỉ thực tập được phần công phù hợp	0	0	12.1	0.9	5566.4	2
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai ("không hiệu quả" theo ESSA)	2.8	5.54	55.4	4.14	14938.3	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực ("ngoài lĩnh vực" theo ESSA)	0.4	0.78	41.3	3.09	11746.9	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	4.5	8.93	99.8	7.45	14303.8	5.15
Tổng số vị trí giảng dạy	51.4	100	1340	100	277698	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2023-24

Ủy quyền/Phân công	Số trường học	Phần trăm trường học	Số khu học chánh	Phần trăm khu học chánh	Số tiểu bang	Phần trăm tiểu bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	40.2	85.03	1010.1	82.4	230039.4	100

Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0	0	6.6	0.54	6213.8	2.23
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	2.6	5.58	66.4	5.42	16855	6.04
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0	0	31.5	2.57	12112.8	4.34
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	4.4	9.36	111	9.06	13705.8	4.91
Tổng số vị trí giảng dạy	47.3	100	1225.9	100	278927.1	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/Phân công	2021-22	2022-23	2023-24
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	0.9	0.5
Phân công sai	0.00	1.8	2.1
Vị trí trống	0.00	0	0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai	0.00	2.8	2.6

Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ số	2021-22	2022-23	2023-24
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	0	0
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.4	0
Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực	0.00	0.4	0

Phân công lớp học

Chỉ số	2021-22	2022-23	2023-24
Phân công sai cho Người học tiếng Anh (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	0	4.6	5.2
Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	0	0	0

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp.

Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2025-

Tất cả các môn học đều sử dụng sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn, được Tiểu Bang và Khu Học Chánh thông qua. Giáo viên có quyền tham gia vào quá trình lựa chọn sách giáo khoa ở cấp khu học chánh thông qua chu trình chương trình giảng dạy đã thiết lập. Giáo viên được đào tạo chuyên sâu về tài liệu giảng dạy và tài liệu bổ sung đi kèm với tài liệu sách giáo khoa cơ bản. Các tài liệu bổ sung hỗ trợ cả nhu cầu ngôn ngữ và nhu cầu học tập của học sinh.

Thông tin này được thu thập vào ngày 11 Tháng Chín, 2025.

Năm và tháng dữ liệu được thu thập	Ngày 11 Tháng Chín, 2025

Môn học	Danh sách bộ sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/Nêu rõ từ lần thông qua gần đây nhất / Năm thông qua	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Đọc/Ngữ văn	English language arts textbooks, Houghton Mifflin Harcourt-Collections, were adopted in 2014-15. There is one textbook available per student.	0
Toán	Mathematics textbooks, by Houghton Mifflin Harcourt for 7-8 grades and Mc Graw Hill for 9-12 grades were adopted in 2020-21. Course appropriate, standards-aligned instructional materials have been selected for each mathematics course. There is one textbook available per student. All were adopted during the 2020-2021 school year. Math 7/7H & Math 7: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 7 Math 8/8H & Math 8: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 8 Integrated Math I: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I Integrated Math II: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math II Integrated Math III: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math III Integrated Math 1-2 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I & McGraw Hill - Reveal Math Integrated II Integrated Math 2-3 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated II & McGraw Hill - Reveal Math Integrated III	0
Khoa Học	Science textbooks, California HMH Science Dimensions was adopted in 2018-19 for 7 & 8 grades. Science textbooks for grades 7 and 8 Integrated Science were adopted in 2018-19: HMH CA Science Dimensions. The e-text and one consumable textbook is available per student.	0
Lịch sử-Khoa học xã hội	History/Social science textbooks were adopted in 2018-19 and 2019-20. 7th grade-Cengage Learning-World History: Medieval and Early Modern Times, CA Student Edition 8th grade- McGraw-Hill- United States History and Geography-Growth and Conflict 10th grade- McGraw-Hill-World History, Culture, and Geography: The Modern World, CA Student Edition 11th grade- McGraw-Hill- United States History and Geography-Conflict and Change 12th grade- McGraw-Hill- Principles of American Democracy. Savvas- California Economics Principles in Action There is one textbook available per student.	0
Ngoại ngữ	Foreign language textbooks are adopted as needed by course. Several courses adopted new textbooks, Senderos by Vista Higher Learning in 2023-24 and Houghton Mifflin Harcourt-	0

	Avancemos and Houghton Mifflin Harcourt-Bien Dit, in 2016-17. Additionally, supplemental books continue to be adopted each year. There is one textbook available per student. Below is the list of districtwide World Language adopted instructional materials: American Sign Language 1: Master ASL! 1, ISBN: 9781881133209, Adopted: 2017/2018 American Sign Language 2 and American Sign Language 3: Signing Naturally 3, ISBN: 9781581211351, Adopted: 2017/2018 American Sign Language 4: Translating from English, ISBN: 9781581211009, Adopted 2017/2018 Arabic 1: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 1, ISBN: 9781933269092, Adopted 2019/2020 Arabic 2: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 2, ISBN: 9781933269108, Adopted 2019/2020 Arabic 3 and Arabic 4: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 3, ISBN: 9781933269115, Adopted 2019/2020 French 1: Chemins 1, ISBN: 9781543362237, Adopted: 2023/2024 French 2: Chemins 2, ISBN: 9781543362299, Adopted 2023/2024 French 3: Chemins 3, ISBN: 9781543362312, Adopted: 2023/2024 French 4: Chemins 4, ISBN: 9781543362336, Adopted: 2023/2024 AP French Language and Culture: Themes, ISBN: 9781680040272, Adopted: 2015/2016 Japanese 1: Adventures In Japanese 1, ISBN: 781622910564, Adopted: 2015/2016 Japanese 2: Adventures in Japanese 2, ISBN: 9781622910663, Adopted: 2015/2016 Japanese 3: Adventures in Japanese 3, ISBN: 9780887173995, Adopted: 2003/2004 Japanese 4: Adventures in Japanese 4, ISBN: 9780887274428, Adopted: 2003/2004 Korean 1: EPIC Korean 1, ISBN: 9781636849409, Adopted: 2022/2023 Korean 2: EPIC Korean 2, ISBN: 9781636849423, Adopted: 2022/2023 Korean 3: EPIC Korean 3, ISBN: 9781636849447, Adopted: 2023/2024 Korean 4: EPIC Korean 4, ISBN: 9781636849461, Adopted: 2022-2023 Mandarin 1 and Mandarin 2: Zhen Bang! 1, ISBN: 9780821981368, Adopted: 2015/2016 Mandarin 3 and Mandarin 4: Zhen Bang! 2, ISBN: 9780821988237, Adopted: 2015/2016 Spanish 1: Senderos 1, ISBN: 9781543357936, Adopted: 2023/2024 Spanish 2: Senderos 2, ISBN: 9781543358070, Adopted: 2023/2024 Spanish 3: Senderos 3, ISBN: 9781543358131, Adopted: 2023/2024 Spanish 4: Senderos 4, ISBN: 9781543358193, Adopted: 2023/2024 Spanish for Spanish Speakers 1: Cajas de Cartón (The Circuit), ISBN: 9780618226160 (Novel), La Casa De Mango Street (The House on Mango Street), ISBN: 9780679755265 (Novel), El Color de Mis Palabras, ISBN: 9781930332751 (Novel), Esperanza Renace (Esperanza Rising), ISBN: 9780439398855	

	(Novel), Adopted: 2017 Spanish for Spanish Speakers 2: Antes de Ser Libres, ISBN: 9780375815454 (Novel), Caramelo, ISBN: 9781400030996 (Novel), Senderos Fronterizos (Breaking Through), ISBN: 9780618226184 (Novel), La Travesia de Enrique (Enrique's Journey), ISBN: 9780553535549 (Novel), Voces Sin Fronteras (Voices without Frontiers), ISBN: 9781400077199 (Novel), Adopted: 2017 Spanish for Spanish Speakers 3: Más Allá de Mí, ISBN: 9780547250311 (Novel), El Alquimista (The Alchemist), ISBN: 9780062511409 (Novel), Cuando Era Puertorriqueña (When I was Puerto Rican), ISBN: 9780679756774 (Novel), Los de Abajo, ISBN: 9780140266214(Novel), Me Llamo Rigoberta Menchu, ISBN: 9789682313158 (Novel), Adopted: 2017 AP Spanish Literature & Culture: Azulejo, ISBN: 9781938026225, Adopted: 2022/2023 AP Spanish Language & Culture: Temas, ISBN: 9781543301380, Adopted: 2022/2023 and Abriendo Puertas, ISBN: 9780618222070, Adopted: 2012/2013 IB Spanish: Temas Para Español B, ISBN: 9781543310658, Adopted: 2019/2020 Vietnamese 1 and Vietnamese 2: Ti?ng Vi?t M?n Yêu A, ISBN: 9780997751208, Adopted 2018/2019 Vietnamese 3: Ti?ng Vi?t M?n Yêu B, ISBN: 9780997751215, Adopted 2019/2020 Vietnamese 4H and Vietnamese 5H: Ti?ng Vi?t M?n Yêu C, ISBN: 9780997751222, Adopted 2019/2020 Vietnamese 6H: Ti?ng Vi?t M?n Yêu D, ISBN: 9780997751231, Adopted 2019/2020	
Sức khỏe	Health textbooks, McGraw Hill-Teen Health for 7-8 grades, and Goodheart Wilcox-Comprehensive Health for High School were adopted in 2016-17. There is one textbook available per student.	0
Nghệ thuật thị giác và biểu diễn	Visual and performing arts students have access to course appropriate textbooks and instructional materials.	0
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	KHÔNG ÁP DỤNG	NA

Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Cơ sở Trường Sơ Trung Dale được thành lập vào năm 1959. Khuôn viên 27 mẫu Anh này bao gồm 41 phòng học tiêu chuẩn và một số phòng học di động. Trường chúng tôi trang bị cho mỗi học sinh một thiết bị công nghệ (1:1). Có các phòng học chuyên biệt để thực hiện các phòng thí nghiệm khoa học, hoặc để điều hành các chương trình âm nhạc. Cơ sở này còn có một nhà ăn tự phục vụ, một trung tâm truyền thông, một phòng tập thể dục và nhiều sân chơi thể thao đa dạng.

Bảo Trì và Sửa Chữa: Đội ngũ bảo trì của Trường và Khu Học Chánh đảm bảo các sửa chữa cần thiết nhằm bảo đảm trường học luôn trong tình trạng tốt và hoạt động bình thường sẽ được hoàn thành kịp thời. Quy trình lệnh làm việc được áp dụng để đảm bảo dịch vụ hiệu quả. Việc sửa chữa khẩn cấp được ưu tiên hàng đầu.

Quy Trình và Lịch Biểu Vệ Sinh: Hội Đồng Chưởng Quản của Khu Học Chánh đã phê chuẩn các tiêu chuẩn vệ sinh cho tất cả các trường học trong khu học chánh. Ban giám hiệu sẽ làm việc hằng ngày với nhân viên tạp vụ để xây dựng lịch biểu nhằm bảo đảm trường học luôn sạch sẽ và an toàn. Tất cả các lớp học và nhà vệ sinh đều được dọn dẹp hằng ngày. Hoạt động tổng vệ sinh, bao gồm đánh bóng sàn và sơn, được thực hiện vào thời gian học sinh không đến lớp. Học sinh, phụ huynh và nhân viên được khuyến khích báo cáo bất kỳ điều kiện không phù hợp nào thông qua quy trình khiếu nại thống nhất.

Trường Dale vừa trải qua đợt nâng cấp cơ sở vật chất trị giá hàng triệu đô-la nhằm tăng cường chất lượng giảng dạy và cải

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

thiện an ninh khuôn viên.

Lần đánh giá thực địa gần đây nhất đã hoàn thành vào ngày 23 - 24 Tháng Mười, 2025.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất	Tháng Mười, 2025

Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá Tốt	Đánh giá Trung bình	Đánh giá Kém	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch
Hệ thống: Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			
Nội thất: Bề mặt nội thất	X			VIỀN NHỰA ỐP QUANH TẤM THẢM LỐI VÀO PHÍA SAU ĐANG BỊ BONG RA. HÀNH ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN HOẶC DỰ KIẾN: SỬA CHỮA VIỀN NHỰA ỐP QUANH TẤM THẢM LỐI VÀO PHÍA SAU ĐANG BỊ BONG RA.
Độ sạch sẽ: Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			
Điện	X			
Nhà vệ sinh/Bồn rửa: Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			
An toàn: An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
Kết cấu: Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà	X			CÓ VẾT NỨT TRÊN SÀN NHÀ Ở PHÒNG 500. HÀNH ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN HOẶC DỰ KIẾN:
Ngoại thất: Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cổng/Hàng rào		X		MỘT TRONG CÁC RÈM CUỐN LỚN CHÍNH KHÔNG HOẠT ĐỘNG – KHÔNG LÊN HAY XUỐNG ĐƯỢC. HÀNH ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN HOẶC DỰ KIẾN: SỬA CHỮA MỘT TRONG CÁC RÈM CUỐN LỚN CHÍNH KHÔNG HOẠT ĐỘNG, KHÔNG LÊN HAY XUỐNG ĐƯỢC. THANH CUỐN RÈM KHÔNG GIỮ ĐƯỢC CÂN BẰNG CỦA THANH CUỐN - CỨ BỊ RƠI XUỐNG. HÀNH ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN HOẶC DỰ KIẾN: SỬA CHỮA THANH CUỐN RÈM KHÔNG GIỮ ĐƯỢC CÂN BẰNG CỦA THANH CUỐN, KHIẾN CHO CỨ BỊ RƠI XUỐNG. RÈM CUỐN BÊN PHẢI KHÔNG KÉO LÊN XUỐNG ĐƯỢC - DÂY XÍCH BỊ TRẬT KHỎI RÃNH. HÀNH ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN HOẶC DỰ KIẾN: SỬA CHỮA RÈM CUỐN BÊN PHẢI KHÔNG KÉO LÊN XUỐNG ĐƯỢC BẰNG CÁCH SỬA DÂY XÍCH BỊ TRẬT KHỎI RÃNH. PHÒNG 402 - RÈM CUỐN BÊN PHẢI BỊ KẸT – KHÔNG THỂ KÉO LÊN HOẶC XUỐNG. HÀNH ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN HOẶC DỰ KIẾN: PHÒNG 402 – SỬA CHỮA RÈM CUỐN BÊN PHẢI BỊ KẸT VÀ KHÔNG THỂ KÉO LÊN HOẶC XUỐNG.

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mục	Tốt	Trung bình	Kém

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang
(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

1. **Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
2. **Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm
Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. "Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Môn học	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
Ngữ văn Anh/Đọc viết (lớp 3-8 và 11)	34	31	42	43	47	48
Toán (lớp 3-8 và 11)	20	19	24	25	35	37

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. "Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Nhóm học sinh CAASPP	Tổng ghi danh CAASPP	Số tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm không tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn CAASPP
Tất cả học sinh	994	979	98.49	1.51	31.15
Nữ	435	426	97.93	2.07	35.68
Nam	559	553	98.93	1.07	27.67
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	119	115	96.64	3.36	63.48
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	31	31	100.00	0.00	22.58
Người gốc Philippines	29	29	100.00	0.00	55.17
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	733	725	98.91	1.09	24.69
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	63	61	96.83	3.17	42.62

Học Viên Tiếng Anh	262	254	96.95	3.05	5.12
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	81	81	100.00	0.00	27.16
Quân đội	53	53	100.00	0.00	20.75
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	873	861	98.63	1.37	29.85
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	163	160	98.16	1.84	8.75

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Nhóm học sinh CAASPP	Tổng ghi danh CAASPP	Số tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm không tham gia khảo thí CAASPP	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn CAASPP
Tất cả học sinh	994	979	98.49	1.51	19.10
Nữ	435	428	98.39	1.61	16.36
Nam	559	551	98.57	1.43	21.23
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	119	116	97.48	2.52	52.59
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	31	31	100.00	0.00	9.68
Người gốc Philippines	29	29	100.00	0.00	48.28
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	733	723	98.64	1.36	12.17
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	63	61	96.83	3.17	31.15
Học Viên Tiếng Anh	262	257	98.09	1.91	4.67
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	81	81	100.00	0.00	18.52
Quân đội	53	53	100.00	0.00	13.21

Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	873	860	98.51	1.49	17.91
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	163	160	98.16	1.84	2.50

Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
Khoa Học (lớp 5, 8 và trung học)	7.46	15.16	28.3	26.77	30.73	32.52

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Nhóm học sinh	Tổng tuyển sinh	Số tham gia khảo thí	Phần trăm tham gia khảo thí	Phần trăm không tham gia khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	527	522	99.05	0.95	15.16
Nữ	218	215	98.62	1.38	10.28
Nam	309	307	99.35	0.65	18.57
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	53	51	96.23	3.77	41.18
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	13	13	100.00	0.00	0.00
Người gốc Philippines	14	14	100.00	0.00	28.57
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	398	395	99.25	0.75	11.39
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--	--
Người Da Trắng	39	39	100.00	0.00	20.51
Học Viên Tiếng Anh	124	123	99.19	0.81	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	44	44	100.00	0.00	11.36
Quân đội	34	34	100.00	0.00	20.59
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	459	454	98.91	1.09	14.98
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	95	94	98.95	1.05	3.19

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

Tỷ lệ tham gia Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2024-25

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia từng thành phần trong số năm thành phần kiểm tra thể lực của Bài Kiểm Tra Thể Lực California. Bài thi PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia cho năm thành phần kiểm tra thể lực này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được kiểm tra từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Bài tập hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 7	99	99	99	99	99

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu tiên 3): Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2025-26

Quý vị phụ huynh đóng vai trò tích cực tại Trường Sơ Trung Dale thông qua nhiều chương trình và cơ hội khác nhau, bao gồm PTSA, điền kinh, nghệ thuật biểu diễn, AVID, Trường Học Cộng Đồng, và Hội Đồng Cơ Sở & Cộng Đồng Lancer cùng Trung Tâm Phụ Huynh. Chương trình tình nguyện viên mạnh mẽ của chúng tôi khuyến khích quý phụ huynh đóng góp theo nhiều cách tại trường.
Chúng tôi cũng tổ chức các buổi họp Đối Tác Phụ Huynh hằng tháng (như Cà Phê với Hiệu Trưởng) bao gồm các chủ đề từ học thuật đến học tập phát triển kỹ năng cảm xúc-xã hội. Phụ huynh cũng có thể tham gia Chương Trình Trao Quyền Cho Phụ Huynh (PEP), nhằm cung cấp các công cụ và nguồn lực để hỗ trợ sự thành công của học sinh, và Học Viện Lãnh Đạo Phụ Huynh (PLA), chương trình trao quyền cho phụ huynh để đảm nhận vai trò lãnh đạo, vận động cho cộng đồng trường học và hợp tác với đội ngũ nhân viên và các gia đình.
Trường Dale cũng tổ chức bốn cuộc họp Ủy Ban Cố Vấn Người Học Tiếng Anh (ELAC) mỗi năm, nơi phụ huynh, nhân viên và thành viên cộng đồng cùng nhau hỗ trợ học sinh là Người Học Tiếng Anh và đóng góp ý kiến về các chương trình, dịch vụ và nguồn lực.
Trong suốt năm học, phụ huynh sẽ được mời đến các buổi biểu diễn của học sinh, đêm cung cấp thông tin, Buổi Dự Giờ Học Tập dành cho Phụ Huynh và các nhóm phụ huynh để quan sát quá trình học tập trực tiếp và trao đổi với nhân viên nhà trường. Phụ huynh có thể gặp gỡ giáo viên và cố vấn để thảo luận về sự tiến bộ của học sinh, và thông qua Aeries, eKadence và ParentSquare, quý vị có thể theo dõi điểm số, chuyên cần, kỷ luật và các hoạt động toàn trường.
Các cơ hội tham gia khác bao gồm Đêm Tựu Trường, Ngày Hội Mở, Học Sinh Tiêu Biểu của Tháng, Ăn Trưa Cùng Học Sinh Tiêu Biểu, các buổi lễ trao giải, lễ tốt nghiệp lớp 8, các sự kiện thể thao và buổi biểu diễn khác của trường hoặc cộng đồng. Trường Sơ Trung Dale chào đón và khuyến khích quý phụ huynh tham gia tích cực vào quá trình giáo dục của con em mình.

Vắng mặt thường xuyên năm 2024-25 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	1064	1048	232	22.1
Nữ	476	469	103	22.0
Nam	588	579	129	22.3
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--
Người gốc Á	123	123	9	7.3
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	33	31	11	35.5
Người gốc Philippines	31	30	2	6.7
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	781	772	178	23.1
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	--	--	--	--
Người Da Trắng	72	69	26	37.7
Học Viên Tiếng Anh	345	339	87	25.7
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	13	12	7	58.3
Học sinh vô gia cư	87	87	28	32.2
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	941	928	220	23.7
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	174	171	49	28.7

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các biện pháp nội bộ khác về cảm giác an toàn

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu về tỷ lệ đình chỉ.

Đình chỉ								
Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
7.22	7.41	6.39	3.78	4.06	3.03	3.6	3.28	2.94

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Bảng này hiển thị dữ liệu về tỷ lệ đuổi học.

Đuổi học								
Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Trường học 2024-25	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Khu học chánh 2024-25	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24	Tiểu bang 2024-25
0	0	0	0	0	0	0.08	0.07	0.06

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2024-25

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh	6.39	0.00
Nữ	5.46	0.00
Nam	7.14	0.00
Phi nhị giới	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Á	0.81	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	15.15	0.00
Người gốc Philippines	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	6.66	0.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.00	0.00
Người Da Trắng	12.50	0.00
Học Viên Tiếng Anh	6.96	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	7.69	0.00
Học sinh vô gia cư	5.75	0.00
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	6.48	0.00
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	10.92	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2025-26

Kế Hoạch An Toàn Trường Học Toàn Diện (CSSP) tại Trường Sơ Trung Dale được rà soát, cập nhật và phê duyệt thường niên, với ý kiến đóng góp từ đội ngũ giáo viên, học sinh, các nhóm nguồn lực cộng đồng và Hội Đồng Trường Học. Các cập nhật quan trọng của kế hoạch được thảo luận với giảng viên và đại diện học sinh để bảo đảm quá trình hợp tác và toàn diện. Kế hoạch này nhấn mạnh việc thực hiện không dưới bốn buổi diễn tập an toàn và sơ tán mỗi năm, yêu cầu sự tham gia của học sinh, giáo viên và nhân viên. Trọng tâm chính của chương trình CSSP năm nay là hoàn thiện các tuyến đường sơ tán và cải thiện việc truyền đạt thông tin về những cập nhật này cho cả nhân viên và cộng đồng rộng lớn hơn. Kế hoạch này tích hợp dữ liệu từ các nguồn như Khảo Sát Môi Trường PBIS, Khảo Sát Sức Khỏe Trẻ Em, Bảng Thông Tin Tiểu Bang, và Dữ Liệu Kỷ Luật Aeries để xác định những điểm mạnh và các lĩnh vực cần phát triển. Dữ liệu này, cùng với các quan sát và đề xuất từ các ủy ban như Lực Lượng Đặc Nhiệm Kỷ Luật Học Sinh, cung cấp thông tin cho các ưu tiên chiến lược, bao gồm nâng cao khả năng ứng phó khẩn cấp và thúc đẩy môi trường học đường an toàn, hòa nhập. Hội Đồng Cơ Sở & Cộng Đồng Lancer đã ủy thác việc soạn thảo kế hoạch cho Ủy Ban An Toàn và đã được phê duyệt vào TBD. Kế hoạch đã được trình bày cho CCAT/SLT vào ngày 1/13/26 để lấy ý kiến đóng góp và sẽ được trình lên LS&CC vào ngày TBD để phê duyệt.

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2022-23. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Ngữ Văn Anh	23	17	24	6
Toán	24	12	26	3
Khoa Học	27	5	27	5
Khoa Học Xã Hội	23	18	25	2

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2023-24. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Ngữ Văn Anh	25	16	18	13
Toán	29	6	14	16
Khoa Học	29	7	12	18
Khoa Học Xã Hội	30	7	5	24

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2024-25

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2024-25. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Ngữ Văn Anh	24	15	22	9
Toán	29	6	11	17
Khoa Học	32	6	3	24
Khoa Học Xã Hội	31	6	6	22

Tỷ lệ học sinh so với cố vấn học tập năm 2024-25

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học tập. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	517

Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2024-25

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục “Khác” dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	2
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	0
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	1
Chuyên gia tâm lý	1
Nhân viên xã hội	1
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	2
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2023-24

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2023-24. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng chi tiêu cho mỗi học sinh	Chi tiêu cho mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu cho mỗi học sinh (Không hạn chế)	Lương trung bình của giáo viên
Trường	$12,279	$3,439	$8,840	$101,297
Khu học chánh	Không áp dụng	KHÔNG ÁP DỤNG	$10,142	$118,909
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh	KHÔNG ÁP DỤNG	KHÔNG ÁP DỤNG	-13.7	-9.0
Các Bài Đánh Giá	KHÔNG ÁP DỤNG	Không áp dụng	$11,146	$113,595
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang	Không áp dụng	KHÔNG ÁP DỤNG	-19.7	-3.8

Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2024-25

Tài trợ theo Đề Mục I cho trẻ em có thành tích thấp, đặc biệt là ở các trường có tỷ lệ đói nghèo cao. Chương trình này tài trợ cho các hỗ trợ học tập bổ sung và cơ hội học tập thường cần thiết để giúp học sinh có hoàn cảnh khó khăn theo kịp các bạn cùng lớp, với các hỗ trợ như trợ giảng song ngữ tại lớp và gia sư sau giờ học 4 ngày một tuần áp dụng cho toàn trường. Chương trình cũng hỗ trợ theo dõi chuyên cần để khuyến khích học sinh đến lớp đúng giờ. Nó cũng hỗ trợ chương trình AVID và các gia sư của chúng tôi, cũng như hỗ trợ các vị trí nhân sự trong lớp học.

LCFF – Tài Trợ Bổ Sung
Mục đích: Cung cấp khoản trợ cấp bổ sung tương đương 20% khoản trợ cấp cơ bản LCFF đã điều chỉnh cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn được nhắm mục tiêu.

S&C (LCFF) – Tài Trợ Tập Trung
Mục đích: Cung cấp khoản trợ cấp tập trung bổ sung tương đương 50% khoản trợ cấp cơ sở LCFF đã điều chỉnh cho học sinh mục tiêu vượt quá 55% số lượng ghi danh của một LEA. Ngoài ra, cần hỗ trợ thêm về các nhu cầu cảm xúc xã hội thông qua việc tuyển dụng một nhân viên xã hội toàn thời gian và hỗ trợ thêm nhân sự trong lớp học.

Nguồn kinh phí theo Đề Mục I được dùng để hỗ trợ các lớp Giáo Dục Thể Chất và các hoạt động an toàn và lành mạnh cho học sinh (ví dụ: PBIS, SEL, Can Thiệp & Phòng Ngừa Băng Đảng)

Cấp Vốn Trường Học Cộng Đồng - Khoản tài trợ 5 năm này nhằm hỗ trợ các mối quan hệ bền chặt hơn trong cộng đồng bằng cách cung cấp một Giáo Viên Biệt Phái (TOSA) (3 tiết) và một điều phối viên để giúp đáp ứng các nhu cầu của chương trình.

Kinh phí CSI sẽ được dùng để tập trung vào các biện pháp can thiệp nhằm giải quyết tình trạng vắng học thường xuyên, điểm số học tập thấp và tỷ lệ đình chỉ học ngày càng tăng của học sinh.

Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2023-24

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2023-24. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/.

Danh mục	Số tiền cho Khu học chánh	Trung bình của tiểu bang cho Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	$63,781	$67,238
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	$109,375	$106,841
Mức lương cao nhất của Giáo viên	$139,964	$136,881
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Tiểu học)		
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Sơ trung)	$149,574	$167,233
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Trung học)	$163,653	$193,950
Mức lương của Giám Đốc Khu Học Chánh	$328,935	$314,304
Phần trăm ngân sách cho Lương giáo viên	26.83%	29.51%
Phần trăm ngân sách dành cho Lương của Ban giám hiệu	3.71%	4.87%

Phát triển Chuyên môn

Giáo viên tham gia nhiều dịch vụ nội bộ của Khu Học Chánh cũng như các hội thảo và hội nghị phát triển chuyên môn để nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng giảng dạy. Ngoài ra còn có bốn ngày phát triển chuyên môn và các cuộc họp bắt đầu muộn hằng tuần được lên lịch hằng năm cho các hoạt động học tập chuyên môn. Giáo viên mới cũng được yêu cầu tham gia chương trình hướng dẫn cho giáo viên. Khu Học Chánh và trường tiếp tục đào tạo giáo viên về các chiến lược cung cấp chương trình giảng dạy khác biệt có chiều sâu và độ phức tạp. Giáo viên học cách sử dụng kết quả đánh giá của học sinh để hướng dẫn học sinh một cách phù hợp hơn nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu cá nhân của từng học sinh. Các nhân viên hành chính có nhiều cơ hội tham gia hoạt động đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy với học sinh. Tất cả nhân viên của Khu Học Chánh đều được hỗ trợ trong nỗ lực cung cấp các bài học có hiệu quả cao. Giáo viên và thành viên ban giám hiệu được tạo điều kiện xem xét các chương trình và chiến lược giảng dạy hiện tại và điều chỉnh cho phù hợp với hiệu suất chương trình giảng dạy và tiêu chuẩn nội dung của tiểu bang. Các chiến lược giảng dạy dựa trên nghiên cứu được xem xét và triển khai.

Ngoài các sáng kiến Học Tập Chuyên Môn của AUHSD, Đội Ngũ Học Tập Giảng Dạy (ILT) của Trường Sơ Trung Dale còn hỗ trợ phát triển các cơ hội học tập chuyên môn hàng tuần vào các buổi Thứ Năm bắt đầu làm muộn. Thời gian này được các khoa, các chương trình chuyên biệt sử dụng, và còn để điều phối và hợp tác giữ các bộ môn. Ngoài việc hỗ trợ giảng dạy cá nhân, huấn luyện viên 5C của Dale sẽ dẫn dắt tất cả giáo viên tham gia Buổi Dự Giờ Học Tập Suy Ngẫm trong suốt năm học để chia sẻ các thông lệ tốt nhất, phương pháp sư phạm hiện hành và tạo cơ hội cho giáo viên suy ngẫm về chuyên môn của mình. Chủ Nhiệm Bộ Môn EL và Huấn Luyện Viên 5C của chúng tôi sẽ thực hiện hai Chuyến Quan Sát EL mỗi năm để ghi nhận sự thành công trong các nỗ lực của Ban Đặc Trách PL và xác định các bước tiếp theo trong việc đáp ứng nhu cầu của Cộng Đồng PL. Huấn luyện viên 5C của chúng tôi cũng tổ chức buổi họp hỗ trợ giáo viên mới hai lần một tháng. Những buổi họp này không chỉ được thiết kế để chào đón nhân viên mới và xây dựng cộng đồng học tập, mà còn giúp nhân viên mới tìm hiểu về Phương Pháp Anaheim và các sáng kiến đa dạng mà học khu đã triển khai trong thập kỷ qua. Trường Dale cũng cung cấp hỗ trợ công nghệ giáo dục thông qua Giảng Viên Công Nghệ Giáo Dục tận tâm của chúng tôi. Đội ngũ giảng viên của cũng có nhiều cơ hội tham gia vào nhiều hội thảo và hội nghị chuyên đề được thiết kế riêng phù hợp với nhu cầu cá nhân của họ.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2023-24	2024-25	2025-26
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	4	4	4